

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thái Bình	Chủ tịch
Ông Lê Văn Liêm	Phó Chủ tịch
Ông Lê Hữu Phước	Thành viên
Ông Trần Cảnh Lạc	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Sừ	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thái Bình	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Liêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Phước	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 1 năm 2011

Số: /2011/BCKT-IFCHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 29 tháng 1 năm 2011 từ trang 5 đến trang 20 kèm theo. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ hạn chế phạm vi kiểm toán được đề cập dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, ngày 27 tháng 5 năm 2009, Đại hội cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh đã quyết định giải thể công ty này do kinh doanh không hiệu quả. Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư vào công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 với số tiền là 626.504.443 đồng dựa trên Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, các thủ tục thanh lý, giải thể của công ty này vẫn chưa hoàn tất. Chúng tôi không thu thập được bằng chứng đầy đủ và thích hợp để đánh giá tính hợp lý của số dự phòng đầu tư tài chính dài hạn được trích lập nên không đưa ra ý kiến về khoản mục này cũng như ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Các vấn đề chưa thống nhất trong xử lý kế toán

Công ty chưa điều chỉnh hồi tố khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thêm liên quan đến giai đoạn từ ngày 5 tháng 2 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Công ty không thuộc đối tượng được ưu đãi miễn giảm thuế quy định trong Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính. Nếu Công ty ghi nhận các khoản chi phí thuế này vào báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 5 tháng 2 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 thì chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các giai đoạn/năm này sẽ tăng lên tương ứng với số tiền lần lượt là: 855.038.880 đồng, 458.308.910 đồng và 567.624.894 đồng, đồng thời chi tiêu Quỹ đầu tư phát triển tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ giảm 1.880.972.684 đồng và chi tiêu Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trên Bảng cân đối kế toán sẽ tăng lên một khoản tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của các vấn đề được nêu tại phần Hạn chế phạm vi kiểm toán và phần Các vấn đề chưa thống nhất trong xử lý kế toán trong báo cáo này, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Phạm Tiến Dũng
Giám đốc Chi nhánh
Chứng chỉ KTV số 0747/KTV

Lương Xuân Trường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 1741/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ
VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 1 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		31.727.034.669	24.828.907.120
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	14.868.869.624	3.025.713.680
1. Tiền	111		4.483.440.395	3.025.713.680
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.385.429.229	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.240.000.000	6.097.306.765
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.240.000.000	6.097.306.765
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.553.298.725	4.843.170.566
1. Phải thu khách hàng	131		1.900.350.781	1.867.565.825
2. Trả trước cho người bán	132		898.440.499	557.455.595
5. Các khoản phải thu khác	135	7	2.800.407.445	2.488.149.146
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(45.900.000)	(70.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	8	6.860.515.969	8.344.074.941
1. Hàng tồn kho	141		6.860.515.969	8.445.495.658
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(101.420.717)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.204.350.351	2.518.641.168
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.184.840	20.877.029
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	46.625.525
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		343.310.608	6.644.187
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	2.855.854.903	2.444.494.427
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.702.447.719	43.475.846.514
II. Tài sản cố định	220		6.452.343.872	7.400.694.908
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.686.338.625	6.631.703.297
- Nguyên giá	222		17.818.132.059	17.421.570.876
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.131.793.434)	(10.789.867.579)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	225.000.000	225.000.000
- Nguyên giá	228		225.000.000	225.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	541.005.247	543.991.611
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		36.250.103.847	36.075.151.606
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	31.167.193.290	31.167.193.290
2. Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh	252	14	5.709.415.000	5.709.415.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	50.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	15	(626.504.443)	(851.456.684)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		74.429.482.388	68.304.753.634

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.534.215.943	8.435.028.531
I. Nợ ngắn hạn	310		9.320.304.276	8.163.514.564
2. Phải trả người bán	312		607.538.016	726.008.378
3. Người mua trả tiền trước	313		20.000.000	101.241.735
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		65.191.350	305.361.960
5. Phải trả người lao động	315		3.397.762.198	2.897.753.641
6. Chi phí phải trả	316		269.728.049	177.010.855
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	4.967.196.942	3.727.153.544
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(7.112.279)	228.984.451
II. Nợ dài hạn	330		213.911.667	271.513.967
1. Phải trả dài hạn cho người bán	331		-	137.690.000
3. Phải trả dài hạn khác	333		84.450.000	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		129.461.667	133.823.967
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.895.266.445	59.869.725.103
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	64.895.266.445	59.869.725.103
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45.702.089.498	45.702.089.498
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.604.002.206	2.939.736.742
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.355.395.629	956.321.048
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.233.779.112	10.271.577.815
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		74.429.482.388	68.304.753.634

Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc
 Ngày 29 tháng 1 năm 2011

Võ Phước Hồng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MÃU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	90.180.451.757	81.865.558.137
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		90.180.451.757	81.865.558.137
4. Giá vốn hàng bán	11		78.613.111.441	70.562.461.772
5. Lợi nhuận gộp	20		11.567.340.316	11.303.096.365
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	7.937.495.484	15.486.102.990
7. Chi phí tài chính	22	20	(150.846.912)	9.840.466
8. Chi phí bán hàng	24		8.604.640.943	4.304.021.594
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.858.979.996	8.389.716.629
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.192.061.773	14.085.620.666
11. Thu nhập khác	31		252.705.213	208.660.570
12. Chi phí khác	32		818.182	-
13. Lợi nhuận khác	40		251.887.031	208.660.570
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.443.948.804	14.294.281.236
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	77.111.701	303.535.421
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.366.837.103	13.990.745.815
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	1.393	3.061

Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 1 năm 2011

Võ Phước Hồng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	100.161.978.189	108.295.331.655
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(79.075.551.543)	(73.698.923.699)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.055.054.460)	(4.725.352.701)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(74.105.329)	(4.960.383)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(713.666.437)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.172.897.606	51.775.632.741
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(11.532.543.675)	(78.420.212.447)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.883.954.351	3.221.515.166
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(504.135.364)	(61.944.091)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(1.240.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	50.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.528.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.679.691.000	3.261.040.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.985.555.636	671.095.909
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	13.158.398.496	1.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.158.398.496)	(1.000.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(28.370.000)	(9.446.008.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(28.370.000)	(9.446.008.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	11.841.139.987	(5.553.396.925)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.025.713.680	8.573.171.224
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.015.957	5.939.381
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	14.868.869.624	3.025.713.680

Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 1 năm 2011

Võ Phước Hồng
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 259/QĐ/UBND ngày 27 tháng 3 năm 2006 của UBND tỉnh Tây Ninh. Tiền thân của Công ty là Công ty Du lịch Tây Ninh thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 45030000065 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 5 tháng 2 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 82 người (năm 2009 là 85 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty là kinh doanh mua bán và thực hiện các dịch vụ liên quan đến nhà hàng, khách sạn và dịch vụ du lịch.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Ngày 31 tháng 12 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15 tháng 2 năm 2010. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện phân loại một số chỉ tiêu phù hợp theo hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Bộ tài chính trong thông tư này.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc được qui định trong Chuẩn mực Kế toán số 25 - Báo cáo tài chính và các khoản đầu tư vào công ty con. Dự phòng giảm giá trị đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Giám đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập với điều kiện giá trị ghi sổ sau hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nếu như dự phòng chưa được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 24
Máy móc và thiết bị	4 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 7
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 14

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, và các khoản trả trước dài hạn khác. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	66.567.795	28.289.598
Tiền gửi ngân hàng	4.416.872.600	2.997.424.082
Tương đương tiền	10.385.429.229	-
Cộng	14.868.869.624	3.025.713.680

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Số dư các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn một năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương - Chi nhánh Hòa Thành với số tiền là 1.000.000.000 đồng và tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương - Chi nhánh Tây Ninh với số tiền là 240.000.000 đồng.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	2.703.230.000	2.265.419.000
Phải thu khác	97.177.445	222.730.146
Cộng	2.800.407.445	2.488.149.146

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	211.461.257	239.188.511
Công cụ, dụng cụ	2.978.141.984	2.351.184.484
Hàng hóa	3.669.877.389	5.854.024.987
Hàng gửi đi bán	1.035.339	1.097.676
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(101.420.717)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	6.860.515.969	8.344.074.941

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	218.474.410	420.432.728
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.326.351.126	1.713.032.332
Tài sản thiếu chờ xử lý	311.029.367	311.029.367
Cộng	2.855.854.903	2.444.494.427

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2010	11.570.618.254	115.173.500	4.082.798.853	447.260.792	1.205.719.477	17.421.570.876
Tăng trong năm	446.335.364	-	57.800.000	-	-	504.135.364
Giảm do thanh lý tài sản	-	-	-	(96.210.545)	(11.363.636)	(107.574.181)
Tại ngày 31/12/2010	<u>12.016.953.618</u>	<u>115.173.500</u>	<u>4.140.598.853</u>	<u>351.050.247</u>	<u>1.194.355.841</u>	<u>17.818.132.059</u>
KHẤU HAO LUỸ KẾ						
Tại ngày 01/01/2010	7.135.937.022	102.792.540	2.179.232.661	409.482.669	962.422.687	10.789.867.579
Tăng trong năm	816.905.110	2.857.140	536.489.648	30.945.905	62.302.233	1.449.500.036
Giảm do thanh lý tài sản	-	-	-	(96.210.545)	(11.363.636)	(107.574.181)
Tại ngày 31/12/2010	<u>7.952.842.132</u>	<u>105.649.680</u>	<u>2.715.722.309</u>	<u>344.218.029</u>	<u>1.013.361.284</u>	<u>12.131.793.434</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2010	<u>4.434.681.232</u>	<u>12.380.960</u>	<u>1.903.566.192</u>	<u>37.778.123</u>	<u>243.296.790</u>	<u>6.631.703.297</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>4.064.111.486</u>	<u>9.523.820</u>	<u>1.424.876.544</u>	<u>6.832.218</u>	<u>180.994.557</u>	<u>5.686.338.625</u>

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng bao gồm nhà cửa vật kiến trúc: 794.345.940 đồng (năm 2009: 639.076.579 đồng), máy móc thiết bị: 95.173.500 đồng (năm 2009: 95.173.500 đồng), phương tiện vận tải: 602.787.831 đồng (năm 2009: 602.787.831 đồng), thiết bị văn phòng: 152.750.900 đồng (năm 2009: 248.961.445 đồng), tài sản cố định khác: 498.093.856 đồng (năm 2009: 509.457.492 đồng).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất của khu nhà ở thuộc Khu dân cư phường 4, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí thiết kế bản vẽ và báo cáo kiểm tra kỹ thuật công trình cấp nước thô Khu du lịch Núi Bà	89.710.000	89.710.000
Chi phí san lấp mặt bằng trạm Mộc Bài	184.404.747	184.404.747
Giá trị xây lắp móng Nhà nghỉ Sườn Núi	53.161.000	53.161.000
Giá trị xây lắp lan can hàng Cây Sung	43.395.500	43.395.500
Chi phí đo đạc lập bản đồ KDL Ma Thiên Lãnh	165.000.000	165.000.000
Chi phí nhà kho phòng kinh doanh	5.334.000	8.320.364
Cộng	541.005.247	543.991.611

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết nắm giữ	Giá trị đầu tư ghi nhận tại ngày 31/12/2010 (VND)
Công ty CP Cấp treo Núi Bà Đen Tây Ninh	Tây Ninh	Dịch vụ du lịch	51,0%	24.931.910.430
Công ty CP Khách sạn và Lễ hành Tây Ninh	Tây Ninh	Dịch vụ du lịch	51,0%	3.707.282.860
Công ty CP Lễ hành Tây Ninh	Tây Ninh	Dịch vụ du lịch	84,3%	2.528.000.000
Cộng				31.167.193.290

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT LIÊN DOANH

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết nắm giữ	Giá trị đầu tư ghi nhận tại ngày 31/12/2010 (VND)
Công ty CP Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh	Tây Ninh	Sản xuất nước khoáng	20,0%	2.000.000.000
Công ty CP Gạch ngói Tây Ninh	Tây Ninh	Xây dựng cơ bản, sản xuất vật liệu xây dựng	36,3%	3.709.415.000
Cộng				5.709.415.000

15. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Số dư khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là khoản dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh. Đại hội cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh ngày 27 tháng 5 năm 2009 đã quyết định giải thể công ty này do kinh doanh không hiệu quả. Đến thời điểm lập báo cáo, các thủ tục thanh lý, giải thể của công ty này vẫn chưa hoàn tất. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng khoản trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh đã phản ánh hợp lý tổn thất của khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	160.837.910	116.886.312
Giá trị bao bì (vỏ chai) phải trả	2.187.067.671	2.171.803.429
Các khoản giữ bảo hành công trình	206.049.099	383.593.529
Các khoản nhận thế chấp	1.268.238.001	468.273.001
Cổ tức phải trả	254.105.500	-
Tiền đền bù Nhà nghỉ Hòa Bình	256.901.473	256.901.473
Các khoản phải trả khác	158.997.288	329.695.800
Tiền thu cho thuê mặt bằng chờ bàn giao	475.000.000	-
Cộng	<u>4.967.196.942</u>	<u>3.727.153.544</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	45.702.089.498	819.217.742	319.123.333	4.306.733.537	51.147.164.110
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	13.990.745.815	13.990.745.815
Phân phối lợi nhuận	-	2.120.519.000	666.126.000	(2.786.645.000)	-
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	(63.000.000)	(63.000.000)
Giảm trong năm	-	-	(28.928.285)	-	(28.928.285)
Cổ tức đã chia	-	-	-	(4.341.699.500)	(4.341.699.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(834.557.037)	(834.557.037)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	45.702.089.498	2.939.736.742	956.321.048	10.271.577.815	59.869.725.103
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	6.366.837.103	6.366.837.103
Phân phối lợi nhuận	-	7.664.265.464	1.399.074.581	(9.063.340.045)	-
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	(133.057.991)	(133.057.991)
Giảm trong năm	-	-	-	(80.000.000)	(80.000.000)
Cổ tức đã chia	-	-	-	(228.510.500)	(228.510.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(899.727.270)	(899.727.270)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	45.702.089.498	10.604.002.206	2.355.395.629	6.233.779.112	64.895.266.445

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của Nhà nước	35.442.289.498	35.442.289.498
Vốn góp của các cổ đông khác	10.259.800.000	10.259.800.000
Cộng	45.702.089.498	45.702.089.498

Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	4.570.209	4.570.209
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	4.570.209	4.570.209
+ Cổ phiếu thường	4.570.209	4.570.209
Số lượng cổ phiếu quỹ được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.570.209	4.570.209
+ Cổ phiếu thường	4.570.209	4.570.209

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	84.158.410.852	75.134.079.044
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.022.040.905	6.731.479.093
Cộng	90.180.451.757	81.865.558.137

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	857.448.028	796.620.289
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.135.502.000	10.825.305.000
Lãi chênh lệch tỷ chưa thực hiện	-	6.568.719
Doanh thu cho thuê mặt bằng	944.545.456	3.596.409.088
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	261.199.894
Cộng	7.937.495.484	15.486.102.990

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí lãi vay	74.105.329	9.840.466
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính vào Cty CP Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh	(224.952.241)	-
Cộng	(150.846.912)	9.840.466

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	6.443.948.804	14.294.281.236
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(6.135.502.000)	(10.825.305.000)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	308.446.804	3.468.976.236
Thuế suất	25,0%	12,5%
Thuế TNDN phải nộp	77.111.701	433.622.030
Thuế TNDN được miễn giảm trong năm	-	130.086.609
Chi phí thuế TNDN hiện hành	77.111.701	303.535.421

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.366.837.103	13.990.745.815
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.570.209	4.570.209
	1.393	3.061

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 1 năm 2011

Võ Phước Hồng
Kế toán trưởng